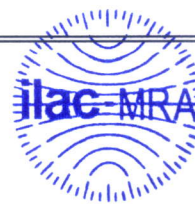




TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ĐC: Số 2 Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhcn@gmail.com

VILAS 557 - VIMCERTS 195



Số: 02253/2025/PKQ (NT/2505.054)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty TNHH Minebea AccessSolutions Việt Nam

Địa chỉ: KCN Đồng Văn II, phường Duy Tiên, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Địa điểm quan trắc: KCN Đồng Văn II, phường Duy Tiên, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Tên mẫu	Nước thải đầu ra sau xử lý chung của công ty
Loại mẫu	Nước thải
Tình trạng mẫu	Bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	09/05/2025
Người bàn giao mẫu	Bý Việt Hùng
Thời gian thử nghiệm	09/05/2025 – 19/05/2025

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	QCVN 40:2011/ BTNMT
					Cột B ¹
1	Nhiệt độ ^(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	27	40
2	Màu ^(b)	Pt/Co	TCVN 6185:2015	6 (LOQ=15)	150
3	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,1	5,5 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,4	50
5	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	9,6	150
6	Chất rắn lơ lửng ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	6	100
7	Crom (VI) ^(b)	mg/L	SMEWW 3500-Cr B:2023	<0,007	0,1
8	Crom (III) ^(b)	mg/L	TCVN 6658: 2000+ SMEWW 3113 Cr:B: 2023	0,017 (LOQ=0,021)	1
9	Đồng (Cu) ^(b)	mg/L	TCVN 6193:1996	<0,02	2
10	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/L	TCVN 6193:1996	0,3	3
11	Niken (Ni) ^(b)	mg/L	TCVN 6193:1996	0,49	0,5
12	Mangan (Mn) ^(b)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,05 (LOQ=0,06)	1
13	Sắt (Fe) ^(b)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,06	5
14	Tổng xianua (CN) ^(b)	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,005	0,1
15	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,001	0,5
16	Tổng dầu mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	0,9	10
17	Sunfua ^(b)	mg/L	TCVN 6637: 2000	<0,05	0,5
18	Florua ^(b)	mg/L	SMEWW 4500F-.B&D:2023	0,61	10
19	Amoni (tính theo N) ^(a,b)	mg/L	US EPA Method 350.2	2,8	10
20	Tổng nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	9,52	40
21	Tổng phot pho (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,7	6
22	Tổng coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	170	5.000
23	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	CEECS/NT/HT/LL	1,5	-

510.01.10 Lần ban hành:01 Trang 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
- Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm



Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;
- Cột B: Giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;
- <: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- Dấu (-): là không quy định;
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 557;
- ^(b): Chỉ tiêu được công nhận theo Vimcerts 195.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trịnh Thị Huế

CÁN BỘ QA/QC

Nguyễn Ngọc Việt

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Phạm Huy Đông

1. Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)
2. Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;
3. Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm